

Bản án số: 03/2017/HNGĐ-PT  
Ngày: 29/5/2017  
V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và  
chia tài sản khi ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Lan

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Hồng Quân

Ông Vũ Dũng

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thu Trà - Thư ký Toà án, Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà:** Bà Hà Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2017/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017 về: “*Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản khi ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tùng K, sinh năm 1977

Địa chỉ: Phường N, TP. Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Phường N, TP. Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trung T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Đ - Chi nhánh Y1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Trường G - Chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng Đ - Chi nhánh Y1, theo văn bản ủy quyền số: 1455/QĐ ngày 22/11/2016.

Địa chỉ: Phường M, TP. Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Tùng K là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Tùng K trình bày: Anh Nguyễn Tùng K và chị Trần Thị Thanh T kết hôn ngày 29-3-2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, TP. Y, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8-2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Từ đó đến nay, anh K và chị T sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh K và chị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh K và chị T có một lô đất diện tích 144m<sup>2</sup> tại thửa đất số 4 tờ bản đồ số 22 ở phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, có chiều rộng là 8 m và chiều dài là 18 m; phía Bắc tiếp giáp nhà ông Hà, phía Nam là hành lang đường sắt, phía Tây giáp nhà ông Đông, phía Đông giáp nhà bà Hảo đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01036 ngày 05-6-2015 mang tên Trần Thị Thanh T và Nguyễn Tùng K. Trên lô đất có xây một ngôi nhà cấp 4 với diện tích là 99 m<sup>2</sup>. Trị giá lô đất và ngôi nhà là: 430.000.000 đồng.

Về công nợ chung: Tháng 7-2015, anh K và chị T có vay của Ngân hàng Đ - Chi nhánh Y1 số tiền là: 200.000.000 đồng. Nay anh K đề nghị được quản lý, sử dụng lô đất và ngôi nhà nêu trên và có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi

còn lại cho Ngân hàng khi đến hạn và có trách nhiệm thanh toán phần tiền chênh lệch cho chị T số tiền là 115.000.000 đồng.

Bị đơn chị Trần Thị Thanh T tại các bản tự khai và phiên tòa sơ thẩm trình bày: Chị T xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của anh K là đúng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh K có một lô đất và ngôi nhà xây cấp 4, tổng trị giá là: 430.000.000 đồng. Ngày 24-7-2015 chị T và anh K có vay của Ngân hàng Đ - Chi nhánh Y1 số tiền là 200.000.000 đồng. Sau khi vay xong anh K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng chị nên chị đã thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền là 180.000.000 đồng. Nay chị T đề nghị được quản lý, sử dụng lô đất và ngôi nhà nêu trên và có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng khi đến hạn và có trách nhiệm thanh toán phần tiền chênh lệch cho anh K số tiền là 100.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi liên quan là Ngân hàng Đ - Chi nhánh Y1 (người đại diện theo uỷ quyền ông Đặng Trường G) trình bày: Ngày 24-7-2015 anh K và chị T có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH1036 tại phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái cho Ngân hàng Đ - Chi nhánh Y1 theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7686412/HĐTD, vay số tiền là 200.000.000 đồng với kỳ hạn 60 tháng. Đến nay anh K và chị T còn nợ tiền gốc là 180.000.000 đồng và lãi xuất. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nếu giao ngôi nhà và lô đất cho ai quản lý, sử dụng thì người đó có trách nhiệm thanh toán tiếp trả cho Ngân hàng theo đúng các cam kết trong hợp đồng.

Tại bản án số: 07/2017/HNGĐ - ST ngày 28-02-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái đã áp dụng các Điều 55, khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 60 và điểm c khoản 2 Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 3 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tùng K được ly hôn chị Trần Thị Thanh T.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thanh T được quản lý, sử dụng lô đất có diện tích là 144 m<sup>2</sup> có chiều rộng là 8m và chiều dài là 18 m, phía Bắc giáp nhà ông Hà, phía Nam là hành lang đường sắt, phía Tây giáp nhà ông Đông, phía Đông giáp nhà bà Hảo, thửa đất số 4 tờ bản đồ số 22. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01036 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 05-6-2015 mang tên Trần Thị Thanh T và Nguyễn Tùng K tại phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, trên lô đất đó có một ngôi nhà xây cấp 4 với diện tích 99 m<sup>2</sup> trị giá lô đất và ngôi nhà là 430.000.000 đồng. Chị Trần Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Tùng K phần chênh lệch về tài sản là 125.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay đã ký theo hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7686412/HĐTD ngày 24-7-2015 với Ngân hàng Đ - Chi nhánh Y1.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền về thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13-3-2017 anh K kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm đã tuyên. Về phần tài sản chung và công nợ chung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết giao cho anh được quản lý, sử dụng lô đất có diện tích 144 m<sup>2</sup> và ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 99 m<sup>2</sup> có trên đất; đồng thời có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng Đ - Chi nhánh Y1 khi đến hạn và có trách nhiệm thanh toán phần tiền chênh lệch về tài sản cho chị T.

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công làm Chủ tọa phiên tòa, những người tiến hành tố tụng khác và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến quá trình xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện

kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Y.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái đã thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện ly hôn, chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Tùng K là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tùng K và chị Trần Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh K và chị T đã sống ly thân, đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thuận tình ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định cho anh K được ly hôn với chị T là phù hợp pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh K và chị T đều thống nhất về tài sản chung của vợ chồng gồm có: 01 lô đất diện tích là 144m<sup>2</sup>, có chiều rộng là 8 m và chiều dài là 18 m. Trên lô đất có xây một ngôi nhà cấp 4 với diện tích là 99 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 4 tờ bản đồ số 22 ở phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01036 do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 05-6-2015, mang tên Trần Thị Thanh T và Nguyễn Tùng K. Trị giá lô đất và ngôi nhà là: 430.000.000 đồng.

Tại tòa án cấp sơ thẩm, tại đơn kháng cáo, lời khai tại Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái và phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh K đề nghị được quản lý, sử dụng lô đất và ngôi nhà nói trên; đồng thời có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng Đ - Chi nhánh Y1 khi đến hạn và có trách nhiệm thanh toán phần tiền chênh lệch về tài sản cho chị T.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi khởi công xây dựng ngôi nhà và hoàn thành đến nay, chị T đang quản lý và sử dụng ổn định, chị T vẫn trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao cho chị T được quản lý, sử dụng toàn bộ lô đất, ngôi nhà và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho

anh K là có cơ sở cần được chấp nhận. Do đó, việc anh K đề nghị được quản lý, sử dụng lô đất, ngôi nhà và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị T là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Về nợ chung: Toà án cấp sơ thẩm đã xác định chị T có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay đã ký theo hợp đồng tín dụng số:01/2015/7686412/HĐTD ngày 24-7-2015 với Ngân hàng Đ - Chi nhánh Y1.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng trình bày: Tổng số dư nợ do chị T và anh K vay của Ngân hàng là 180.000.000 đồng được thể hiện từ 02 Hợp đồng tín dụng (gồm: Hợp đồng số: 01/2015/7686412/HĐTD ngày 24-7-2015 số tiền vay là 200.000.000 đồng và số: 01/2016/7686412/HĐTD ngày 30-12-2016 số tiền vay là 20.000.000 đồng) chứ không phải từ 01 hợp đồng số: 01/2015/7686412/HĐTD ngày 24-7-2015 như Toà án cấp sơ thẩm đã xác định. Tại phiên toà phúc thẩm người đại diện của Ngân hàng đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là 01 bản gốc hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7686412/HĐTD ngày 30-12-2016. Các đương sự anh K và chị T cũng xác nhận nội dung trình bày của người đại diện Ngân hàng là đúng. Đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên toà phúc thẩm, do đó cần phải sửa lại phần trách nhiệm trả nợ chung cho phù hợp.

Về án phí: Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để quyết định nghĩa vụ chịu án phí dân sự đối với các đương sự là không đúng với quy định tại Điều 48 của Nghị quyết này, cần sửa lại cho đúng quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên anh K không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa bản án bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/HNGĐ - ST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái như sau:

Căn cứ Điều 55, khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 60 và điểm c khoản 2 Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 3 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tùng K được ly hôn chị Trần Thị Thanh T.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thanh T được quyền quản lý, sử dụng 01 lô đất diện tích 144m<sup>2</sup>, thửa đất số 4 tờ bản đồ số 22 tại phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, có vị trí như sau: Phía Bắc giáp nhà ông Hà, phía Nam là hành lang đường sắt, phía Tây giáp nhà ông Đông, phía Đông giáp nhà bà Hào, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BY 708635 vào sổ cấp GCN: CH01036 ngày 05/6/2015 mang tên bà Trần Thị Thanh T, ông Nguyễn Tùng K và được quyền quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà xây cấp 4 với diện tích sử dụng 99 m<sup>2</sup> hiện có trên lô đất. Tổng trị giá ngôi nhà và lô đất là 430.000.000 đồng. Chị T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh K là 125.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án mà chị T vẫn không trả hết cho anh K số tiền kể trên thì hàng tháng chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay (dư nợ) đã ký kết theo các Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7686412/HĐTD ngày 24-7-2015 và số: 01/2016/7686412/HĐTD ngày 30-12-2016 với Ngân hàng Đ - Chi nhánh Y1.

Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Tùng K phải chịu 575.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Tùng K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 10.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung; tổng cộng: 10.950.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 11.450.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2013/02655 ngày 22-7-2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y. Anh K được hoàn lại số tiền chênh lệch 500.000 đồng.

Chị Trần Thị T phải chịu 10.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Chị T chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Tùng K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2013/06053 ngày 20-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND TP. Y;
- Chi cục THADS TP. Y;
- Các đương sự ;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Lan**